

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ TRƯỜNG MẦM NON

LỚP GHEP 5 TUỔI CUÔNG 2

Thời gian thực hiện: 3 tuần(Từ ngày 8/09/2025-26/9/2025)

Nhánh 1: Trường MN của bé

Nhánh 2 : Lớp học của bé(Làm khung tranh(EDP)

Nhánh 3: Đồ dùng, đồ chơi của bé(Tìm hiểu về nam châm(5E)

Lĩnh vực	Mục tiêu				Nội dung				Hoạt động	
	5 tuổi	4 tuổi	3 tuổi	2 tuổi	5 tuổi	4 tuổi	3 tuổi	2 tuổi		
	a. Phát triển vận động									
1.Phát triển thể chất	MT1: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	MT1: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	MT1: Thực hiện đủ các động tác thể dục theo hướng dẫn	MT1: Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay -Đưa về phía trước - sang ngang	Rèn luyện phát triển các nhóm cơ, hô hấp, vận động tinh qua các động tác: + Hô hấp + Tay + Lưng - Bụng - Lườn + Chân - bật					* Thể dục sáng: - Hô hấp: Hít vào, thở ra * Tay - Tay : Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên(Kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) - Tay : Co và duỗi từng tay, kết hợp với kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. * Lưng, bụng, lườn - Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. - Lưng, bụng, lườn: Quay người sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải sang trái. * Chân- bật: Đưa ra phía trước sang ngang, đưa về phía sau.
	- Giữ được thăng	- Giữ được	- Giữ được thăng bằng	- Giữ được thăng bằng	Trẻ thực hiện vận động: Đi trên dây (dây đặt trên sàn)				*THỂ DỤC KỸ NĂNG	

bằng cơ thể khi thực hiện vận động. MT 16.5: Đi trên dây (dây đặt trên sàn)	thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: MT 2.1: Bước đi liên tục trên vạch kẻ thẳng trên sàn	cơ thể khi thực hiện vận động: MT 2.1: Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m)	cơ thể trong vận động: +MT 2.1 : Khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) và đi hết đoạn đường 1,8m - 2m		- Đi trên dây(dây đặt trên sàn)
- MT 6.10: Bật - nhảy xuống từ độ cao xuống	- MT 2.3 : Bật xa 35-40cm	- MT 2.5: Bật xa 20-25cm	MT 2.3: Đi bước qua vật cản	Trẻ thực hiện vận động: Bật xa 40- 50cm	- Bật xa 50 cm
- MT2: Giữ tư thế đứng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở) (CS1)	Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (khi được nhắc nhở)			- Trẻ ngồi, đi, đứng đúng tư thế.	- Đánh giá mọi lúc mọi nơi
- Thực hiện các vận động: +MT10.1: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay	-Thực hiện được các vận động: +MT6.1: Cuộn-xoay tròn cổ tay	-Thực hiện được các vận động: +MT 6.1: Xoay tròn cổ tay.	- MT 6: Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.	- <i>Thực hiện ở thể dục sáng, TDKN, HĐNT</i>
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					

<p>- MT 16: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo....</p>	<p>- MT 9: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho;</p>	<p>- MT 9: Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...</p>	<p>- MT 9: Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau</p>	<p>Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống</p>	<p><i>Thực hiện trò chuyện trong giờ ăn</i></p>
<p>- Biết và không thực hiện toàn bộ các hoạt động gây mất an toàn (CS13): -MT 24.1: Biết tránh một số trường hợp không an toàn Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không</p>	<p>- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở +MT 16.3: Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo</p>	<p>- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + MT 17.5: Không đi theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp</p>	<p>- MT 14: Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế,...) khi được nhắc nhở</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. Không đi theo không nhận quà của người lạ.</p>	<p><i>Thực hiện mọi lúc mọi nơi</i></p>

được phép của người lớn, cô giáo..					
- Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi (CS12) MT 15.1: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.	- Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở - MT 11.1: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt đánh răng.	- Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn - MT 11.1: Rửa tay, lau mặt, súc miệng	- MT 12: Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc cơm, cầm cốc uống nước, rửa tay, lau mặt,....)	Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. Tập đánh răng, lau mặt.	- <i>Thực hiện trong giờ HĐH, HĐVC, HĐNT, HĐ ăn, ngủ</i>
- MT 15.2: Thực hiện một số việc đơn giản: Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch	- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - MT 14.3 Đi vệ sinh đúng nơi quy định	- MT 14: Có một số hành vi tốt trong phòng vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- MT 11: Biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	- <i>Thực hiện trong đi vệ sinh</i>
- Có một số hành vi và thói quen tốt	MT 13.1: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn	Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ		Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, nhai kỹ	- Hoạt động ăn

	trong ăn uống: MT20.1: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn	từ tốn, nhai kỹ				
II. Phát triển nhận thức	a. Khám phá khoa học					
	- MT 11: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận	- MT 4: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- MT 4: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện với đối tượng	- MT1: Sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng (<i>Giữ gìn</i>) đồ dùng, đồ chơi	- <i>Thực hiện ở hoạt động TCTV, HĐNT</i>
	-MT 20: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	-MT 29: Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- MT 21: Nói tên trường /lớp, cô giáo , bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện .	MT 3: Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	Tên địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô, bác ở trường khi được hỏi, trò chuyện	* MTXQ -Trò chuyện về trường mầm non
-MT 21: Nói tên, công việc của cô	-MT 30: Nói tên, một số công việc				- <i>Thực hiện ở hoạt động TCTV, HĐNT, HDC...</i>	

giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.				
-MT 22: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	-MT 31: Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện			Biết nói tên bạn và đặc điểm của các bạn trong lớp.	- <i>Thực hiện ở: Đón trẻ, TCTV, HĐNT</i>
-MT 10: Làm thử nghiệm và ứng dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Làm thí nghiệm về nam châm	-MT 3: Làm thử nghiệm và ứng dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Làm thí nghiệm về nam châm	-MT 3: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng: Ví dụ: Làm thí nghiệm về nam châm	Làm 1 số bước thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. Ví dụ: Làm thí nghiệm về nam châm theo khả năng	Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- <i>Thực hiện ở hoạt động HĐNT</i>

MT15: Nhận xét thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	MT8 : Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của đối tượng được quan sát	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của đối tượng được quan sát theo khả năng		- So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu
-MT 12: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	-MT 5: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	-MT 5: Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật theo khả năng	-Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu	
b. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán					
-MT 33: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng	-MT 11: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2	-MT 10: Đếm các đối tượng giống nhau và đếm đến 2	-MT 8: Số lượng 1 và nhiều	- Nhận biết nhóm có 6 đối tượng, nhận biết số 6.	
- Nhận biết số 6 và sử dụng số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	-MT 15: Sử dụng các con số 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự			*Toán: - Số 6 (tiết 1)	

III. Phát triển ngôn ngữ	- MT 27: Nhận biết và gọi tên chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt (CS38)	- MT 18: Nhận dạng được một số chữ cái	Nhận dạng được một số chữ cái trong bảng chữ cái theo khả năng.		Nhận dạng các chữ cái và phát âm chính xác chữ cái o,ô,ơ	* Chữ cái Làm quen chữ cái o, ô, ơ Trò chơi chữ cái o,ô, ơ
	- MT 25: Bắt chước hành vi “viết” (CS41)	- MT 19: Tập tô đồ các nét chữ.	- MT 15: Thích vẽ “viết” nguệch ngoạc	- Tô màu, vẽ nguệch ngoạc theo khả năng	- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới	Tập tô chữ cái o,ô,ơ
	- MT26: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái				- Tập tô, tập đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái	
	- MT 12: Sử dụng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- MT 6: Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- MT 6: Sử dụng câu đơn, câu ghép	- MT 7: Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn,...)	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân , rõ ràng dễ hiểu, bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	<i>Thực hiện ở mọi lúc mọi nơi</i>
	- MT 3: Hiểu nghĩa từ khái quát: Trường	- MT 2: Hiểu nghĩa từ khái quát: Trường MN của	- MT 2 : Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: trường, lớp,	- MT 4: Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: về	- Hiểu các từ khái quát: (Trường mầm non, lớp mầm non, đồ dùng đồ chơi...)	<i>Thực hiện ở mọi lúc mọi nơi , TCTV ,HDNT, HDVC</i>

MN của bé, lớp học của bé, tên đồ dùng đồ chơi(CS6)	bé, lớp học của bé, đồ dùng đồ chơi	đồ dùng, đồ chơi	trường, lớp, đồ dùng, đồ chơi		
-MT 7: Nói để người khác hiểu (CS32)	MT 4 : Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	-MT 4 : Nói rõ các tiếng.		- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu	- <i>Thực hiện ở mọi hoạt động</i>
-MT 11: Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp (CS33)	-MT 13 : Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	-MT 11: Sử dụng các từ vâng ạ, dạ thưa... trong giao tiếp – MT 8: Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	-MT 4: Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: về trường, lớp, đồ dùng, đồ chơi	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	
-MT 15: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao ...	-MT 9 : Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	-MT 8: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ..	-MT 5: Đọc tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc	Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò về...	*Thơ: -Tinh BẠN - Ca dao, đồng dao...trong các trò chơi dân gian,..
-MT 6: Nghe hiểu nội dung truyện thơ, dành cho	-MT 7: Lắng nghe và hiểu nội dung, và	-MT 10 : Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc	– Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với lứa tuổi.	*Truyện: - Gà tơ đi học

	lứa tuổi của trẻ.	ý nghĩa chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	phù hợp với độ tuổi	với độ tuổi theo khả năng		
IV. Phát triển thẩm mỹ	-MT 2: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc: thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	-MT 2 : Chú ý nghe, thích thú (hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	-MT 2: Chú ý nghe, thích được nghe, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	-MT 8: Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...)	Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc	* Âm nhạc - Nghe hát : + Ngày đầu tiên đi học + Vườn trường mùa thu
	-MT 10: Nhận ra giai điệu (Vui, êm dịu, buồn của bài hát				- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	

hoặc bản nhạc)					
-MT 11: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em	-MT 4 : Hát đúng giai điệu lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ	-MT 4: Hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen thuộc	-MT 9: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	*Dạy hát (vận động): + Em đi mẫu giáo *Trò chơi: + Đoán tên bạn hát + Đóng băng(EL32)
-MT 12: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay, các loại tiết tấu, múa)	-MT 5 : Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	-MT 5: Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)		Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	
-MT 1: Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên	- MT3: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các	- MT3: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm	-MT 10: Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh, (Cầm	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng..) của các tác phẩm tạo hình.	HĐ chơi góc Tạo hình, HĐNT

nhiên, cuộc sống và nghệ thuật (CS55)	từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	bút di màu, vẽ nguệch ngoạc		
-MT 14: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa và bố cục cân đối	-MT 7 : Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	-MT 7 : Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản		Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét và hình dáng.	*TẠO HÌNH - Vẽ trường mầm non (ĐT)
-MT 17: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, cục cân đối	-MT 10: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau.	-MT 10: Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản			<i>-Thực hiện ở hoạt động ngoài trời, ...</i>

<p>- MT 13: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm</p>	<p>-MT 6 : Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</p>	<p>-MT 6: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý.</p>		<p>Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.</p>	<p>- Làm khung tranh (EDP)</p>
<p>-MT 4: - Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật. (CS57)</p>	<p>-MT 11: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng và bố cục.</p>	<p>-MT 11: Nhận xét các sản phẩm tạo hình</p>	<p>Nhận xét các sản phẩm tạo hình theo khả năng</p>	<p>Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.</p>	
<p>MT 20: Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc và ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó (CS61)</p>	<p>-MT 14: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p>	<p>- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích (theo khả năng)</p>		<p>Nói lên ý tưởng tạo hình của mình</p>	

V. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	- MT 19: Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng (CS66)	- MT 4: Cố gắng hoàn thành công việc được giao(trục nhật, dọn đồ chơi)	- MT 4 : Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao(chia giấy vẽ, xếp đồ chơi)	Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	Thực hiện một số công việc được giao(trực nhật, xếp đồ chơi...)	Thực hiện mọi lúc mọi nơi Góc XD: - Xây trường mầm non - Xây khu vui chơi của bé - Xây lớp học Góc PV: - Cô giáo, lớp học. - Gia đình, bán hàng Góc AN: - Hát, biểu diễn các bài hát có trong chủ đề trường mầm non, Góc ST: Quan sát tranh ảnh ,làm album về trường mầm non, lớp học của bé, đồ dùng đồ chơi Góc TH: Vẽ, xếp hình trường mầm non, lớp học, đồ dùng đồ chơi Toán- khoa học- thiên nhiên: - Chơi với chữ cái, con số đã học và tạo hình các con số, chữ cái đã học bằng dây, đất nặn, hạt hạt,... - Chăm sóc cây cảnh/ lau lá tưới cây.
	- MT21: Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu (CS68)	Hợp tác làm việc, chơi với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động	- MT12: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	
	- MT16: Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi (CS28)	- MT11: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- MT10: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- MT5: Chào tạm biệt khi được nhắc nhở	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự	- Mọi lúc, mọi nơi
	- MT26: Biết cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép					
	- MT 29: Thực hiện được một	- MT 10: Thực hiện được một	- MT 9: Thực hiện một số quy định ở	Thực hiện một số quy định ở	- Trẻ lắng nghe và thực hiện tốt một số quy định ở trường mầm non.	* KỸ NĂNG XÃ HỘI. - Thực hiện một số quy định ở trường mầm non

<p>số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng. sau khi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng , vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép</p>	<p>số quy định ở trường, lớp: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn</p>	<p>trường, lớp, sau khi chơi cất xếp đồ chơi, không tranh giành đồ chơi , vâng lời bố mẹ</p>	<p>trường, lớp theo anh chị.</p>		
---	---	--	----------------------------------	--	--

TỔ CHUYÊN MÔN DUYỆT



Hoàng Thị Hà

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Lương Thị Thanh Huỳnh



Lò Thị Quai